TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 145/2024/HNGĐ-PT
Ngày: 29/11/2024
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Thẩm phán: 1. Ông Phan Trịnh Minh Đức

2. Ông Vũ Tùng Lâm

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2024/TLPT-HNGĐ ngày 18/10/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 470/2024/HNGĐ-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5899/2024/QĐ-PT ngày 08/11/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Quang S, sinh năm 1973

Địa chỉ: Số B Đ, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số M H, phường I Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim L, sinh năm 1974

Địa chỉ: Số C M, phường T Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Trần Quang S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn ông Trần Quang S trình bày:

Ông S và bà Lê Thị Kim L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 142/1997 ngày 04/4/1997. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ Số B Đ, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cùng gia đình chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2004 thì ông phát hiện bà L nợ nần và có chủ nợ tìm đến nhà nên ông có đứng ra trả nợ cho bà L số tiền khoảng 50.000.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà L tiếp tục gây nợ và ông phải đứng ra trả nợ cho bà L

thêm 2-3 lần nữa, ông không nhớ chính xác số tiền nợ, chỉ nhớ khoảng vài chục triệu. mặc dù ông nhiều lần khuyên nhủ, nói chuyện nhưng bà L vẫn không thay đổi, tiếp tục nợ nần và cũng không nói rõ lý do với ông lý do vì sao lại mượn nợ nhiều như vậy. Thời điểm này ông làm công việc tài xế ô tô ở cảng mức lương là 6.000.000 đồng/tháng, bà L thì buôn bán, tuy nhiên vẫn đủ lo các chi phí trong gia đình. Đến năm 2018 ông không thể tiếp tục trả nợ cho bà L nữa nên bà L dọn ra khỏi nhà và thuê nhà trọ sinh sống đến nay, trong gần 6 năm vợ chồng không sống chung, không gặp mặt, hàng tháng ông chỉ hỗ trợ một ít tiền sinh hoạt phí cho bà L.

Nay ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông yêu cầu ly hôn với bà L để ổn định cuộc sống. Đối với tin nhắn bà L nộp cho tòa án, ông xác nhận chụp từ điện thoại của ông, đúng là trước đây ông có quen biết kết bạn qua zalo nhắn tin tâm sự chứ không có mối quan hệ tình cảm và hiện tại ông cũng không còn liên lạc với người phụ nữ này.

Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Hiếu N1, sinh ngày 04/02/1993, Trần Trọng N2, sinh ngày 06/11/1994 và Trần Phi Y, sinh ngày 12/02/2002, tất cả đều đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Lê Thị Kim L trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông S về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung như trên là đúng sự thật. Về mâu thuẫn vợ chồng bà thừa nhận ông S trình bày là đúng, do bà có nợ nần bên ngoài, ông S có đứng ra trả nợ cho bà được 2,3 lần. Tuy nhiên việc bà mượn nợ là do kinh tế gia đình khó khăn, lương của ông S thời điểm đó rất thấp, nhà lại có 3 con nên không đủ trang trải chi phí sinh hoạt gia đình nên bà phải đứng ra mượn đầu này đắp đầu kia lo gia đình chứ bản thân không có cờ bạc. Bà biết lỗi sai của mình nên năm 2018 khi nợ không có tiền trả, sợ ảnh hưởng đến ông S, con cái bà đã dọn ra thuê trọ ở ngoài nhưng tình cảm vợ chồng không ảnh hưởng nhiều, lúc đó cuối tuần ông S đều đến nhà trọ thăm bà 1-2 lần. Cho đến năm 2021 do dịch không đi lại được, ngày 29/10/2021 khi bà và ông S đi khách sạn với nhau bà có kiểm tra điện thoại của ông S và phát hiện đoạn tin nhắn ông Sơn nhắn với người con gái khác, bà đã chụp lại tin nhắn từ máy ông S và photo nộp cho tòa; nên bà biết ông S có phát sinh tình cảm với người khác và đây là lý do ông đề nghị ly hôn bà chứ thực ra việc bà nợ nần, dọn ra ở riêng thì vơ chồng đã giải quyết được rồi, không còn mâu thuẫn. Hiện bản thân bà còn tình cảm với ông S, bà đề nghị tòa hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 470/2024/HNGĐ-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quang S về việc xin ly hôn với bà Lê Thị Kim L.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: do bác yêu cầu của ông S nên không xét.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, việc thi hành án theo quy định của pháp luật.Ngày 10/9/2024 ông S có đơn kháng cáo đề ngày 09/9/2024 yêu cầu sửa án sơ thẩm cho ông được ly hôn bà L. Ngày 16/9/2024 Viện kiểm sát

nhân dân Quận 6 có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 47/QĐ-VKS-HNGĐ ngày 12/9/2024 kháng nghị Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 470/2024/HNGĐ-ST ngày 30/8/2024 nói trên đối với phần tòa án tuyên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên yêu cầu kháng nghị, người kháng cáo ông Trần Quang S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ông S và bà L thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau: về quan hệ hôn nhân hai bên đồng ý thuận tình ly hôn, về con chung có 3 con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết; về tài sản chung và nợ chung cả hai xác định không có; do hiện nay bà L đang gặp khó khăn nên ông S đồng ý hỗ trợ, cấp dưỡng cho bà L số tiền 2.000.000 đồng/tháng trong thời gian 02 năm, hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2024 đến tháng 12/2026 là dứt điểm. Về tài sản chung, nợ chung: không có; Về con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết. Về án phí dân sự sơ thẩm phải chịu theo qui định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu: người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định của pháp luật. Xét thấy tại phiên tòa phúc thẩm bà L ông S đã thỏa thuận được việc giải quyết toàn bộ vụ án, vì vậy, đề nghị hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Quang S làm trong thời hạn luật định phù hợp với quy định tại Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Hội đồng xét xử xét thấy: Ông S và bà L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn số 142/1997 ngày 04/4/1997 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông S có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà L do vợ chồng mâu thuẫn nhưng không được Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận nên kháng cáo.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm ông S và bà L đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như trên, sự thỏa thuận này là tự nguyên, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Hiếu N1, sinh ngày 04/02/1993, Trần Trọng N2, sinh ngày 06/11/1994 và Trần Phi Y, sinh ngày 12/02/2002, tất cả đều đã trưởng thành nên không yêu cầu tòa án giải quyết.Về tài sản chung, nợ chung: ông S bà L xác định không có. Do đó, có cơ sở chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của

ông S, sửa một phần bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và cấp dưỡng nguyên đơn phải chịu; Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147, 148, 306, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào các Điều 56, 57, 115, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008, đã sửa đổi bổ sung năm 2014,

Tuyên xử:

* Về hình thức: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh và đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang S về mặt hình thức.

* Về nội dung: Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Quang S. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa, sửa một phần bản án hôn nhân sơ thẩm số 470/2024/HNGĐ-ST ngày 30/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang S.

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Trần Quang S và bà Lê Thị Kim L thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Hiếu N1, sinh ngày 04/02/1993, Trần Trọng N2, sinh ngày 06/11/1994 và Trần Phi Y, sinh ngày 12/02/2002, tất cả đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có.

2. Về cấp dưỡng:

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Trần Quang S đồng ý hỗ trợ, cấp dưỡng cho bà Lê Thị Kim L số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng/tháng trong thời gian 02 (hai) năm, hai bên trực tiếp giao nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 12/2024 đến tháng 12/2026 là dứt điểm.

3. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng ông Trần Quang S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà ông S đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0009870 ngày 07/5/2024 của Chi cục Thi

hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm ông Trần Quang S không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng 300.000 đồng ông Trần Quang S phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông S đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0010179 ngày 18/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Thi hành dưới sự giám sát của cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông S không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền như đã thỏa thuận trên thì hàng tháng ông S còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
-Cục THADS TPHCM
- Chi cục THADS Quận 6;
- TAND Quận 6;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HS, VT (T/22).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Phương